

Số: *06* /2025/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày *05* tháng *01* năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tiêu chí, thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định nội dung chi, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 27/TTr-STP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về tiêu chí, thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều cá nhân, tổ chức (sau đây viết tắt là hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp) để làm cơ sở áp dụng mức chi hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định nội dung chi, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính bao gồm hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng cho các đối tượng sau đây:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

b) Trưởng Đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thành lập theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là Trưởng đoàn kiểm tra);

c) Cán bộ, công chức được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp.

2. Quyết định này không áp dụng đối với người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại: Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Nghị định số 140/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp

dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.

Điều 3. Tiêu chí xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

1. Hồ sơ vụ việc có hành vi vi phạm nhiều lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính hoặc có nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm hoặc vi phạm hành chính có tổ chức.

2. Hồ sơ vụ việc có cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính hoặc hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực thủy sản do cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt ngoài tỉnh chuyên đến.

3. Hồ sơ vụ việc phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13.

4. Hồ sơ vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14).

5. Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính và khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 122, Điều 129 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 61 và điểm i khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính).

6. Hồ sơ vụ việc có hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

7. Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp giải trình và thực tế có nội dung giải trình (trực tiếp hoặc bằng văn bản) theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính).

8. Hồ sơ vụ việc xử lý vi phạm hành chính còn nội dung chưa thống nhất trong áp dụng pháp luật cần phải kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

Điều 4. Thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

1. Căn cứ tình hình thực tế, người đứng đầu của cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ về quản lý, xử lý vi phạm hành chính hoặc Trưởng Đoàn kiểm tra phân công đơn vị, bộ phận chuyên môn, cá nhân chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp.

2. Khi có hồ sơ vụ việc, đơn vị, bộ phận chuyên môn, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi vi phạm và tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định này đề xuất người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc Trưởng Đoàn kiểm tra xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp để làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thanh quyết toán kinh phí thực hiện Quyết định này theo quy định hiện hành.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025 và thay thế Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định tiêu chí, thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT, các Phó CT.UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Phòng: NC, KT, KGVX, TH, TCĐT;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TMS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Tam